

QUYẾT ĐỊNH
Điều chỉnh quy định miễn, chuyển điểm các học phần tiếng Anh

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 168/2006/QĐ-TTg, ngày 17/07/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Hàng không Việt Nam ban hành theo quyết định số 49/QĐ-HĐHV ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quy chế tạm thời về đào tạo trình độ đại học của Học viện Hàng không Việt Nam ban hành kèm theo quyết định số 475/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ theo Quy định về công nhận kết quả, miễn, chuyển điểm học phần tại Học viện Hàng không Việt Nam ban hành kèm theo quyết định số 829/QĐ-HVHK ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam;

*Căn cứ theo các chương trình Đào tạo tại Học viện Hàng không Việt Nam;
Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng khoa Ngoại ngữ,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh khoản 1, điều 5 của Quy định về công nhận kết quả, miễn, chuyển điểm học phần tại Học viện Hàng không Việt Nam ban hành kèm theo quyết định số 829/QĐ-HVHK như sau:

1. Quy đổi chuyển điểm các học phần tiếng Anh như sau:

a). Trình độ đại học:

Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 4	TOEIC	TOEFL paper	TOEFL CBT	TOEFL iBT	IELTS	CEFR	English score
5				300-324	400-406	90-99				250-269
6				325-349	407-419	100-109				270-279
7	5			350-374	420-432	110-119	36-39			280-289
8	6	5		375-399	433-439	120-129	40-43	3.0	A2.1	290-299

9	7	6	5	400-424	440-442	130-139	44-47			300-309
10	8	7	6	425-449	443-449	140-149	48-51	3.5	A2.2	310-319
	9	8	7	450-474	450-471	150-159	52-55			320-329
	10	9	8	475-499	472-483	160-169	56-59	4.0	B1.1	330-339
		10	9	500-549	484-499	170-179	60-69	4.5		340-349
			10	≥ 550	≥ 500	≥ 180	≥ 70	≥ 5.0	≥ B1.2	≥ 350

b). Trình độ cao đẳng:

Tiếng Anh	TOEIC	TOEFL paper	TOEFL CBT	TOEFL iBT	IELTS	CEFR
5	250-274	380-381	70-79	20-24		
6	275-299	392-399	80-89	25-28	2.0	A1.1
7	300-324	400-406	90-99	29-32		
8	325-349	407-419	100-109	33-35	2.5	A1.2
9	350-374	420-432	110-119	36-39		
10	≥ 375	≥ 433	≥ 120	≥ 40	≥ 3.0	≥ A2

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các quyết định, quy định trước đây.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, trưởng các đơn vị liên quan và các sinh viên của Học viện chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc Học viện,
- Như điều 3,
- Lưu VT, ĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

TS. Nguyễn Thanh Dũng